

Bản án số: 24/2022/HNGĐ-ST

Ngày 27 - 5 - 2022

V/v: ly hôn, tranh chấp nuôi con khi ly hôn.

NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HOÀ XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
TOÀ ÁN NHÂN DÂN HUYỆN KIẾN XƯƠNG, TỈNH THÁI BÌNH

Thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:

Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa: Bà Lê Thị T Xuân.

Các Hội thẩm nhân dân:

1. Bà Đỗ Thị Hiên

2. Bà Đoàn Thị Duyên

- ***Thư ký phiên tòa:*** Bà Vũ Thị Khánh Ly - Thư ký Tòa án nhân dân huyện Kiến Xương, tỉnh Thái Bình.

- ***Đại diện Viện kiểm sát nhân dân huyện Kiến Xương, tỉnh Thái Bình tham gia phiên tòa:*** Ông Lê Văn Duy- Kiểm sát viên.

Ngày 27 tháng 5 năm 2022, tại trụ sở Tòa án nhân dân huyện Kiến Xương, tỉnh Thái Bình xét xử sơ thẩm công khai vụ án thụ lý số: 26/2022/TLST - HNGĐ ngày 02 tháng 3 năm 2022 về ly hôn, tranh chấp nuôi con khi ly hôn theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử số: 24/2022/QĐXX- ST ngày 10/5/2022 giữa các đương sự:

- ***Nguyên đơn:*** Chị Bùi Thị Hồng T, sinh năm 1996,

Địa chỉ: thôn L, xã Q, huyện K, tỉnh Thái Bình

- ***Bị đơn:*** Anh Nguyễn Đình L, sinh năm 1984;

Địa chỉ: thôn H, xã Q, huyện K, tỉnh Thái Bình.

Chị T có đơn đề nghị Tòa án xét xử vắng mặt, anh L có mặt tại phiên tòa.

NỘI DUNG VỤ ÁN:

* ***Tại đơn khởi kiện đề ngày 06/01/2022 và trong quá trình xét xử, nguyên đơn chị Bùi Thị Hồng T trình bày:***

- Về quan hệ hôn nhân: Chị Bùi Thị Hồng T và anh Nguyễn Đình L tự nguyện đăng ký kết hôn vào ngày 18/9/2015 tại Ủy ban nhân dân xã Q, huyện K,

tỉnh Thái Bình. Sau khi kết hôn vợ chồng chung sống cùng mẹ anh L tại xã Q, huyện K và sinh được 02 con chung. Quá trình chung sống vợ chồng mâu thuẫn do anh L thường xuyên sử dụng ma túy đá, ảo giác, đánh chửi và đuổi chị T ra khỏi nhà. Do nhiều lần bị đánh và lo sợ các con bị khủng hoảng tinh thần nên tháng 10/2019 chị T đã mang theo 02 con đi nơi khác sinh sống, vợ chồng ly thân từ đó đến nay. Nay chị T xác định không còn tình cảm vợ chồng với anh L, chị đề nghị Tòa án giải quyết cho chị được ly hôn anh L.

- Về quan hệ con chung: Vợ chồng có 02 con chung là Nguyễn Đình Hải N sinh ngày 21/02/2017 và Nguyễn Gia Bảo H sinh ngày 05/4/2018 hiện đang do chị T nuôi dưỡng. Ly hôn chị T có nguyện vọng được trực tiếp nuôi dưỡng cả 02 con chung và không yêu cầu anh L cấp dưỡng nuôi. Hiện nay chị đang làm công nhân, có chỗ ở ổn định và có thời gian chăm sóc các con.

- Về quan hệ tài sản, nợ chung: Không có..

** Bị đơn - anh Nguyễn Đình L trình bày:*

- Về thời gian và điều kiện kết hôn đúng như chị T trình bày. Trong quá trình chung sống, vợ chồng không có mâu thuẫn gì lớn. Đến khoảng tháng 10/2019 chị T bỏ nhà đi cùng 02 con chung, anh L đã đi tìm ba mẹ con chị T nhưng không tìm được, vợ chồng ly thân từ đó đến nay, thỉnh thoảng anh L gọi điện cho chị T nhưng chỉ nói chuyện với các con. Nay chị T xin ly hôn thì anh L đồng ý ly hôn. Vợ chồng có 02 con chung hiện nay đang ở với chị T. Ly hôn anh L có nguyện vọng được trực tiếp nuôi dưỡng 01 con, chị T nuôi dưỡng 01 con, không ai phải cấp dưỡng nuôi con. Vợ chồng không có tài sản chung, không vay nợ chung. Hiện tại anh L làm thợ xây tự do theo công trình tại tỉnh Thái Bình, thu nhập tính theo ngày là 350.000đồng/ngày, một tháng anh L đi làm 27 ngày. Anh L có mẹ và chị gái hỗ trợ anh nuôi con.

- Xác minh tại UBND xã Q thể hiện: Anh L và chị T tự nguyện đăng ký kết hôn tại UBND xã Q. Sau khi kết hôn vợ chồng phát sinh mâu thuẫn do anh L sử dụng ma túy nhiều năm, không tu chí làm ăn. Khoảng hai năm trước, do không thể chung sống cùng anh L nên chị T đã mang theo 02 con chung đi nơi khác sinh sống không quay về chung sống cùng anh L nữa. Nay chị T xin ly hôn anh L đề nghị Tòa án giải quyết cho vợ chồng ly hôn. Vợ chồng có 02 con chung là Nguyễn Đình Hải N sinh năm 2017 và Nguyễn Gia Bảo H sinh năm 2018 đang được chị T nuôi dưỡng. Vợ chồng ly hôn đề nghị Tòa án giao 02 con chung cho chị T nuôi dưỡng vì các cháu còn quá nhỏ

và anh L không đủ điều kiện nuôi con. Vợ chồng anh L chị T không có tài sản chung, không vay nợ chung các đoàn thể, tổ chức tại địa phương.

Tại phiên toà hôm nay, đại diện Viện kiểm sát nhân dân huyện Kiến Xương, tỉnh Thái Bình có quan điểm cho rằng Thẩm phán, Hội đồng xét xử đã tuân theo đúng quy định của Bộ luật tố tụng dân sự trong quá trình giải quyết vụ án. Nguyên đơn, bị đơn đã chấp hành đúng pháp luật trong quá trình tham gia tố tụng. Về ý kiến giải quyết vụ án, đại diện Viện kiểm sát đề nghị:

Về quan hệ hôn nhân: Áp dụng Điều 56, 58, 81, 82 và 83 Luật Hôn nhân và gia đình 2014, chấp nhận cho chị T được ly hôn anh L.

Về quan hệ con chung: Giao 02 con chung là Nguyễn Đình Hải N và Nguyễn Gia Bảo H cho chị T trực tiếp nuôi dưỡng, chấp nhận việc chị T không yêu cầu anh L cấp dưỡng nuôi 02 con.

Về quan hệ tài sản chung, nợ chung: Không có.

Về án phí: Chị T tự nguyện chịu toàn bộ án phí ly hôn sơ thẩm cần chấp nhận.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

Sau khi nghiên cứu các tài liệu có trong hồ sơ vụ án được thẩm tra tại phiên toà và căn cứ vào kết quả tranh luận tại phiên toà, Hội đồng xét xử nhận định:

[1] Về thủ tục tố tụng: Chị T xin ly hôn anh L, anh L đăng ký hộ khẩu thường trú tại UBND xã Q huyện K nên vụ án thuộc thẩm quyền giải quyết của Tòa án nhân dân huyện Kiến Xương theo quy định tại khoản 1 Điều 28, điểm a khoản 1 Điều 35, điểm a khoản 1 Điều 39 Bộ luật tố tụng dân sự và nguyên đơn có đơn đề nghị Tòa án xét xử vắng mặt. Vì vậy, Tòa án tiến hành xét xử vắng mặt nguyên đơn là phù hợp với quy định tại Điều 227, Điều 228 của Bộ luật tố tụng dân sự.

[2] Trong quá trình giải quyết vụ án, Tòa án đã tiến hành xác minh thu thập chứng cứ để làm rõ tình trạng hôn nhân, điều kiện nuôi dưỡng con chung và tài sản chung vợ chồng, vì vậy Viện kiểm sát tham gia phiên toà là đúng với quy định tại Điều 21 Bộ luật tố tụng dân sự.

[3] Về quan hệ hôn nhân: Xét thấy, chị T kết hôn với anh L trên cơ sở hoàn toàn tự nguyện, có đăng ký kết hôn tại Ủy ban nhân dân xã Q, huyện K, tỉnh Thái Bình là hôn nhân hợp pháp. Chị T và anh L đều trình bày là vợ chồng không

chung sống cùng nhau từ tháng 10/2019 đến nay, vợ chồng không còn quan tâm đến nhau. Nay chị T xin ly hôn và anh L cũng đồng ý ly hôn. Xét thấy, tình trạng hôn nhân của chị T và anh L là trầm trọng, đời sống chung không thể kéo dài, mục đích của hôn nhân không đạt được. Vì vậy, Hội đồng xét xử xét thấy cần xử cho chị T được ly hôn anh L là phù hợp với quy định tại Điều 56 Luật hôn nhân và gia đình.

[4] Về quan hệ con chung: Chị T và anh L có 02 con chung. Ly hôn chị T có nguyện vọng được tiếp tục nuôi dưỡng cả 02 con chung, anh L có nguyện vọng nuôi 01 con chung, chị T nuôi 01 con chung. Xét thấy, hai con chung của anh L, chị T còn rất nhỏ cần nhiều sự quan tâm, chăm sóc của chị T và cũng cần có người đồng hành, hướng dẫn, giúp đỡ khi các cháu đi học, các cháu hiện đang được chị T nuôi dưỡng, có sức khỏe và nhận thức tốt. Xác minh tại UBND xã Q thì anh L sử dụng ma túy nhiều năm nay, không đủ điều kiện nuôi con. Vì vậy, cần chấp nhận đề nghị của chị T, ý kiến của Viện kiểm sát: giao 02 con chung là Nguyễn Đình Hải N và Nguyễn Gia Bảo H cho chị T tiếp tục chăm sóc, nuôi dưỡng là phù hợp với quy định tại điều 81, 82, 83 Luật hôn nhân và gia đình cũng như đảm bảo cuộc sống tốt nhất cho các con chung. Chấp nhận việc chị T không yêu cầu anh L cấp dưỡng nuôi 02 con chung. Anh L được quyền thăm nom con chung không ai được cản trở.

[5] Về quan hệ tài sản chung, nợ chung: Chị T và anh L đều trình bày không có nên không giải quyết.

[6] Về án phí: Chị T tự nguyện chịu toàn bộ phí ly hôn sơ thẩm, việc tự nguyện không trái pháp luật cần chấp nhận.

Vì các lẽ trên.

QUYẾT ĐỊNH:

Căn cứ vào các Điều 55, 58, 81, 82, 83 Luật hôn nhân và gia đình 2014;

Căn cứ vào khoản 4 Điều 147, Điều 227, Điều 228 Bộ luật tố tụng dân sự 2015;

Căn cứ vào điểm a khoản 1 Điều 24, điểm a khoản 5, điểm a khoản 6 Điều 27 Nghị quyết 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban thường vụ Quốc hội quy định về mức T án phí, lệ phí Tòa án.

1. *Về quan hệ hôn nhân:* Xử cho chị Bùi Thị Hồng T được ly hôn anh Nguyễn Đình L.

2. *Về quan hệ con chung*: Giao cho chị Bùi Thị Hồng T trực tiếp nuôi dưỡng 02 con chung Nguyễn Đình Hải N sinh ngày 21/02/2017 và Nguyễn Gia Bảo H sinh ngày 05/4/2018. Chị T không yêu cầu anh L cấp dưỡng nuôi 02 con chung. Anh L có quyền thăm nom, chăm sóc con chung, không ai được cản trở.

3. *Về tài sản chung, nợ chung*: Không có.

4. *Về án phí*: Chị Bùi Thị Hồng T tự nguyện chịu toàn bộ 150.000 đồng án phí ly hôn sơ thẩm. Chuyển số tiền 300.000 đồng tạm ứng án phí án phí chị T đã nộp tại biên lai T tiền số 0001565 ngày 02/3/2022 của Chi cục thi hành án dân sự huyện Kiến Xương, tỉnh Thái Bình sang thi hành án phí. Chị Bùi Thị Hồng T được trả lại 150.000 đồng.

5. *Về quyền kháng cáo*: Anh L có quyền làm đơn kháng cáo trong thời hạn 15 ngày kể từ ngày tuyên án, chị T có quyền làm đơn kháng cáo trong hạn 15 ngày kể từ ngày nhận được bản án hoặc bản án được niêm yết.

Nơi nhận:

- VKSND huyện Kiến Xương;
- VKSND tỉnh Thái Bình;
- THA huyện Kiến Xương;
- UBND xã Quang Bình;
- Các đương sự;
- Lưu hồ sơ.

**TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM
THẨM PHÁN - CHỦ TỌA PHIÊN TÒA**

Lê Thị T Xuân

HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM

Hội thẩm nhân dân

Thẩm phán - Chủ tọa phiên toà

Lê Thị T Xuân

HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM

Hội thẩm nhân dân

Thẩm phán - Chủ tọa phiên toà

Lê Thị T Xuân

